

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC
VỪA LÀM VỪA HỌC ĐỢT 1 NĂM 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ CHẤM THI MÔN NGỮ VĂN

(ban hành kèm theo Quyết định số 1516/QĐ-ĐHSP ngày 29/10/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN)

Ngày thi: 24/10/2026 (buổi sáng)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành dự thi	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	26.VLVH.001	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG ANH	20/07/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	6.50	Sáu phẩy năm	
2	26.VLVH.002	PHAN THỊ ANH	22/03/2002	Quảng Trị	Nữ	Kinh	GDMN	8.50	Tám phẩy năm	
3	26.VLVH.004	ĐẶNG HOÀNG HẢI BĂNG	07/04/2008	Kon Tum	Nữ	Kinh	GDMN	8.00	Tám chẵn	
4	26.VLVH.005	HUỲNH THỊ NGỌC BÍCH	11/12/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.50	Bảy phẩy năm	
5	26.VLVH.007	ĐỖ THỊ PHƯƠNG DUNG	01/12/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.00	Bảy chẵn	
6	26.VLVH.009	LÊ HÀ GIANG	20/10/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.00	Bảy chẵn	
7	26.VLVH.010	NGÔ LÊ BẢO HÂN	13/03/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	4.00	Bốn chẵn	
8	26.VLVH.012	DƯƠNG THỊ HOA	17/12/1995	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDMN	7.50	Bảy phẩy năm	
9	26.VLVH.014	PHẠM THỊ MAI LAN	28/03/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.00	Bảy chẵn	
10	26.VLVH.015	ĐOÀN KHÁNH LINH	15/05/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDMN	8.00	Tám chẵn	
11	26.VLVH.016	NGUYỄN LÊ THẢO LINH	20/11/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.50	Tám phẩy năm	
12	26.VLVH.017	NGUYỄN HOÀNG BẢO MI	28/09/2008	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDMN	7.50	Bảy phẩy năm	
13	26.VLVH.019	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	12/12/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	6.50	Sáu phẩy năm	
14	26.VLVH.021	VÕ NGUYỄN BẢO NGỌC	17/09/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.00	Bảy chẵn	
15	26.VLVH.022	TRƯƠNG THỊ ÁNH NGUYỆT	06/01/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.50	Bảy phẩy năm	
16	26.VLVH.024	BÙI THỊ YẾN NHI	29/07/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.50	Bảy phẩy năm	
17	26.VLVH.025	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	15/05/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.00	Bảy chẵn	
18	26.VLVH.026	TRẦN NGỌC YẾN NHI	19/04/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.50	Tám phẩy năm	
19	26.VLVH.027	TRẦN YẾN NHI	17/11/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDMN	8.50	Tám phẩy năm	
20	26.VLVH.028	NGUYỄN THỊ NHUNG	24/04/1999	Gia Lai	Nữ	Kinh	GDMN	9.00	Chín chẵn	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành dự thi	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
21	26.VLVH.032	ALĂNG THỊ NHƯ QUỲNH	12/08/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDMN	0.00	Không	Vắng thi
22	26.VLVH.034	CAO NGUYỄN DIỄM QUỲNH	24/08/1995	Thanh Hóa	Nữ	Mường	GDMN	9.00	Chín chẵn	
23	26.VLVH.035	MAI ANH THƯ	17/12/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	0.00	Không	Vắng thi
24	26.VLVH.036	NGÔ PHẠM ANH THƯ	17/07/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.50	Bảy phẩy năm	
25	26.VLVH.037	PHÙNG ĐỖ ANH THƯ	02/12/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	6.75	Sáu phẩy bảy lăm	
26	26.VLVH.039	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	31/07/2007	Quảng Trị	Nữ	Kinh	GDMN	7.00	Bảy chẵn	
27	26.VLVH.040	HOÀNG PHAN THU THỦY	22/10/2006	Kon Tum	Nữ	Kinh	GDMN	7.50	Bảy phẩy năm	
28	26.VLVH.046	TRẦN THỊ HỒNG VIÊN	24/10/2008	Gia Lai	Nữ	Kinh	GDMN	8.00	Tám chẵn	
29	26.VLVH.049	HUỲNH NGUYỄN KHÁNH VY	01/08/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.25	Bảy phẩy hai lăm	
30	26.VLVH.050	NGUYỄN THỊ THẢO VY	11/03/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	8.00	Tám chẵn	
31	26.VLVH.051	TRƯƠNG THỊ MINH CHÂU	23/03/1988	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDTH	8.00	Tám chẵn	
32	26.VLVH.052	NGUYỄN NGỌC ÁNH DƯƠNG	13/02/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDTH	7.50	Bảy phẩy năm	
33	26.VLVH.053	PHẠM THỊ THÙY DƯƠNG	02/05/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDTH	7.25	Bảy phẩy hai lăm	
34	26.VLVH.054	VÕ THỊ ÁNH DƯƠNG	07/09/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDTH, GDMN	8.50	Tám phẩy năm	
35	26.VLVH.055	HÀ GIA HÂN	03/12/2008	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDTH	7.50	Bảy phẩy năm	
36	26.VLVH.056	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	03/12/2008	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDTH	7.50	Bảy phẩy năm	
37	26.VLVH.057	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAM	19/04/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDTH	7.50	Bảy phẩy năm	
38	26.VLVH.058	HÀ THÚY LINH	28/01/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDTH	8.00	Tám chẵn	
39	26.VLVH.059	NGUYỄN NGÔ THỊ NI NA	06/07/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDTH	7.00	Bảy chẵn	
40	26.VLVH.060	TRẦN LÊ THẢO NGUYỄN	04/02/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDTH	7.50	Bảy phẩy năm	
41	26.VLVH.061	LÊ THỊ QUỲNH NHƯ	13/12/2008	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDTH	8.00	Tám chẵn	
42	26.VLVH.062	PHAN THỊ LAN PHỤNG	01/12/2000	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDTH	7.50	Bảy phẩy năm	
43	26.VLVH.063	TRẦN THỊ SIM	14/03/1999	Nam Định	Nữ	Kinh	GDTH	9.00	Chín chẵn	
44	26.VLVH.064	NGUYỄN BẢO ANH THƯ	18/11/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDTH	7.50	Bảy phẩy năm	
45	26.VLVH.065	VÕ THỊ NGỌC TRÂM	13/02/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDTH	8.00	Tám chẵn	
46	26.VLVH.066	LÊ NỮ QUỲNH TRANG	25/07/2007	Quảng Trị	Nữ	Kinh	GDTH	8.50	Tám phẩy năm	
47	26.VLVH.067	NGUYỄN NGỌC HUYỀN TRANG	04/09/1995	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDTH	7.50	Bảy phẩy năm	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành dự thi	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
48	26.VLVH.068	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	25/01/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDTH	7.50	Bảy phẩy năm	
49	26.VLVH.069	TRẦN THỊ MỸ TRANG	21/05/2001	Bình Định	Nữ	Kinh	GDTH	8.00	Tám chẵn	
50	26.VLVH.070	LÊ ĐÌNH QUANG TRUNG	07/03/2008	Đà Nẵng	Nam	Kinh	GDTH	8.50	Tám phẩy năm	
51	26.VLVH.071	NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	18/11/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	GDTH	8.75	Tám phẩy bảy lăm	
52	26.VLVH.072	TRẦN NGUYỄN MAI VÂN	28/10/2008	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDTH	8.50	Tám phẩy năm	
53	26.VLVH.073	KIÊN ĐIỆP ANH	01/09/2000	Trà Vinh	Nữ	Khơ me	GDTH	9.00	Chín chẵn	
54	26.VLVH.074	PHÙNG THỊ HỒNG GIANG	10/06/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDTH	8.50	Tám phẩy năm	
55	26.VLVH.075	VÕ NGỌC HUYỀN TRINH	01/11/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDMN	8.00	Tám chẵn	
56	26.VLVH.076	NGÔ ĐẶNG HÀ TRÂM	08/10/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	7.50	Bảy phẩy năm	
57	26.VLVH.077	LƯƠNG THỊ BẢO TRÂM	18/03/2008	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	GDMN	6.50	Sáu phẩy năm	
58	26.VLVH.078	PHAN VÕ LAN VI	22/01/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	GDTH	7.50	Bảy phẩy năm	

Tổng số: 58 thí sinh

Số thí sinh chính thức 56 thí sinh

Số thí sinh vắng thi: 02 thí sinh